

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Số: 68 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Bắc Ninh
giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1094/TTr-SCT ngày 29/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 – 2025 (Chương trình kèm theo)

Điều 2. Các Sở, ngành, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chương trình, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng

các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 -2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-UBND ngày 26/02/2021
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục đích

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, hỗ trợ, đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Thúc đẩy hoạt động kết nối giao thương các sản phẩm công nghiệp nông thôn; hình thành các sản phẩm, nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh trong các sản phẩm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh tiếp cận với công nghệ mới, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai, đồng thời phát huy tối đa nguồn lực, năng lực của các cơ sở công nghiệp nông thôn cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các hoạt động khuyến công có trọng tâm, trọng điểm các đề án khuyến công tạo nên chuỗi giá trị trong một số ngành, lĩnh vực là thế mạnh điển hình của địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công và danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công được quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Điều 1, Điều 2 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện chương trình từ năm 2021 đến hết năm 2025.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tập trung phát triển hoạt động khuyến công theo những nội dung sau:

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn. Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.

1.1. Nội dung thực hiện:

Đào tạo nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn gắn với yêu cầu của thị trường bằng hình thức trực tiếp hoặc ứng dụng công nghệ thông tin. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Khuyến khích việc tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên theo các hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn gắn với các cơ sở công nghiệp nông thôn.

1.2. Dự kiến kết quả đạt được: Đào tạo thành nghề và nâng cao tay nghề cho khoảng 240 lao động gắn với giải quyết việc làm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

2.1. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ đào tạo cán bộ, lao động quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân để hình thành đội ngũ giáo viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề cho phát triển công nghiệp nông thôn.

- Tổ chức diễn đàn, hội thảo chuyên đề, đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp..., các đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn quảng bá thông tin trên internet thông qua các giải pháp tiếp thị trực tuyến, xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến.

2.2. Dự kiến kết quả đạt được:

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khoảng 100 cán bộ, quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thụ công nghiệp;

- Tập huấn về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp... cho khoảng 200 học viên;

- Thực hiện 04 đề án cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

3.1. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, vật liệu mới và mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông - lâm - thủy sản, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp phụ trợ, điện, điện tử; các mô hình ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến do cơ sở công nghiệp nông thôn tự nghiên cứu, sản xuất, gia công chế tạo và ứng dụng có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, được cơ quan quản lý công nhận.

- Hỗ trợ đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc đưa ra các sản phẩm có tính bảo vệ môi trường, bền vững.

3.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Hỗ trợ xây dựng 09 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ 137 cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tổ chức bình chọn, tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh 02 năm/lần. Hỗ trợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia.

- Hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ gắn với Chương trình khuyến công quốc gia; tổ chức gian hàng trưng bày, giới thiệu thành tựu và sản phẩm công nghiệp nông thôn của tỉnh tại các hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn cấp khu vực, quốc gia; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm; đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm tại các khu du lịch, làng nghề, trung tâm hành chính (cấp xã, huyện, tỉnh, thị xã, thành phố) cho 14 cơ sở công nghiệp nông thôn và các hoạt động khuyến công khác.

4.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Tổ chức 02 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 04 hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh với quy mô dự kiến khoảng 300 gian hàng; tham gia 14 hội chợ triển lãm và hỗ trợ, tạo điều kiện cho khoảng 250 cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 14 cơ sở công nghiệp nông thôn;

5. Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc lập dự án đầu tư, marketing; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

- Tư vấn, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước bằng cả hình thức tư vấn trực tiếp và qua các phương tiện thông tin.

5.2. Dự kiến kết quả đạt được: Tư vấn, hướng dẫn cho khoảng 40 cơ sở công nghiệp nông thôn về các lĩnh vực.

6. Hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công.

6.1. Nội dung thực hiện:

Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác để cung cấp thông tin về chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến công.

6.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Thực hiện 05 chương trình thông tin, tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Ninh, các cơ quan báo, đài Trung ương, trên Sàn giao dịch thương mại điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

7.1. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến: Hình thành liên kết vệ tinh sản xuất các sản phẩm công nghiệp phụ trợ; xây dựng mô hình liên kết giữa các cơ sở sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của tỉnh với các doanh nghiệp du lịch.

- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; hỗ trợ di dời các cơ sở công nghiệp nông thôn đan xen trong khu dân cư hoặc cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Hỗ trợ thành lập cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp cho 03 cụm công nghiệp; Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cho 03 cụm công nghiệp; Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại 03 cụm công nghiệp; Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho 20 cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp; Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 06 cụm công nghiệp.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công.

8.1. Nội dung thực hiện:

- Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

- Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

8.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Căn cứ chương trình, kế hoạch đề án của Bộ Công Thương cử 03 đoàn cán bộ tham gia đi khảo sát, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm về công tác khuyến công tại nước ngoài cùng các đoàn công tác của Bộ Công Thương.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công.

9.1. Nội dung thực hiện:

- Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Điều tra khảo sát thực tế, tham mưu xây dựng kế hoạch khuyến công giai đoạn và hàng năm; triển khai tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá kết quả các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Bắc Ninh; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

9.2. Dự kiến kết quả đạt được:

Tổ chức thực hiện 05 đề án về nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công (bao gồm 10 đoàn tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm về công tác khuyến công).

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

- Huy động từ các nguồn: Kinh phí ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương), nguồn kinh phí đối ứng của các cơ sở công nghiệp nông thôn và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định.

- Tổng kinh phí dự kiến triển khai thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2025 là 478.644 triệu đồng, trong đó:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng cộng
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia	3.800	12.450	14.750	14.250	9.200	54.450
2	Khuyến công địa phương	4.500	15.221	15.991	16.876	11.606	64.194
3	Đối ứng của các cơ sở công nghiệp nông thôn	28.250	87.500	92.650	92.450	59.150	360.000
	Tổng cộng	36.550	115.171	123.391	123.576	79.956	478.644

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2. Bố trí và sử dụng kinh phí

2.1 Đối với kinh phí hỗ trợ từ chương trình khuyến công quốc gia:

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các chương trình, đề án khuyến công có đề nghị sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia, trình Bộ Công Thương tổng hợp, quyết định hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia.

2.2. Đối với kinh phí từ chương trình khuyến công địa phương:

- Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Kế hoạch khuyến công hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Kinh phí khuyến công do Sở Công Thương quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Đối với kinh phí đối ứng của các cơ sở công nghiệp nông thôn:

Các cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện chương trình khuyến công, tự bố trí nguồn kinh phí đối ứng phù hợp theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Chương trình khuyến công.

- Thường xuyên theo dõi, rà soát cơ chế, chính sách, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành cho phù hợp với điều kiện thực tế từng giai đoạn và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khuyến công.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Bắc Ninh xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình khuyến công theo quy định.

2. Sở Tài chính:

- Hàng năm, căn cứ vào các chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Công thương và các đơn vị có liên quan rà soát các nội dung chương trình, theo nhiệm vụ chi của địa phương, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện, theo quy định về phân cấp ngân sách của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Các Sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các chương trình mục tiêu với Chương trình khuyến công để triển khai thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tuyên truyền về cơ chế, chính sách khuyến công của Trung ương, của tỉnh đến đối tượng thụ hưởng trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra giám sát các phòng, ban, UBND các xã, phường, thị trấn tại địa phương thực hiện hiệu quả Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 – 2025.

- Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo các nội dung Chương trình khuyến công quy định tại Quyết định này.

5. Đài phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh, Báo Bắc Ninh:

Tăng thời lượng thông tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và hoạt động khuyến công, đặc biệt là chính sách hỗ trợ từ chương trình khuyến công để tạo sự quan tâm và đồng thuận của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

6. Các cơ sở công nghiệp nông thôn:

Căn cứ vào nội dung Chương trình này và các văn bản có liên quan, hàng năm xây dựng, đăng ký đề án khuyến công cụ thể, thiết thực và tham gia thực hiện đạt hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương tổng hợp) để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục 1:



NỘI DUNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được										Tổng cộng
			Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
			KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	
I	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn. Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.												
1	Đào tạo nghề, nâng cao tay nghề theo nhu cầu của cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề	Lao động			60		60		60		60		240
II	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.												
1	Tập huấn về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp	Học viên			50		50		50		50		200
2	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp	Người						50		50			100
3	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công.	Đề án			1		1		1		1		4
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.												
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	Mô hình		1		2		2		2		2	9
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	14	6	18	6	20	8	22	8	25	10	137
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở											
IV	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn												

STT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được										Tổng cộng
			Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
			KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	
1	Tổ chức bình chọn, tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Lần			1				1				2
2	Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ tại tỉnh	Hội chợ			1		1		1		1		4
3	Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trên toàn quốc	Cơ sở		50		50		50		50		50	250
4	Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hàng thủ công mỹ nghệ trên toàn quốc	Hội chợ			3		3		4		4		14
5	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Cơ sở			3		3		4		4		14
6	Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ	Cơ sở											
V	Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc lập dự án đầu tư, marketing; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.												
1	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	Cơ sở			10		10		10		10		40
VI	Hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công.												
1	Hỗ trợ các chương trình thông tin, tuyên truyền, trên báo, truyền thanh, truyền hình, website.....	Chương trình	1		1		1		1		1		5



STT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được										Tổng cộng
			Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
			KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	
VII	Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.												
1	Hỗ trợ thành lập cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp	Cụm			1		1		1				3
2	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Cụm				1		1				1	3
3	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp	Cụm						1		1		1	3
4	Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp	Cơ sở			3	2	3	2	3	2	3	2	20
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	Cụm			1	1	1	1	1	1			6
VIII	Hợp tác quốc tế về khuyến công.												
1	Tổ chức khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm nước ngoài (theo đề án chương trình của Bộ Công Thương)	Lần				1		1		1			3
IX	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công												
1	Tổ chức nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công; Tổ chức đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong cho cán bộ quản lý của cơ sở công nghiệp nông thôn	Đề án	1		1		1		1		1		5
2	Các chương trình khác(sơ kết, tổng kết chương trình)...	Chương trình	2		2		2		2		2		10





Phụ lục 2:

DỰ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung và chi tiêu	Phân kỳ thực hiện														
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT
I	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn. Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.															
1	Đào tạo nghề, nâng cao tay nghề theo nhu cầu của cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề				120			120				120				120
II	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.															
1	Tập huấn về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp				16			16				16				16
2	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thụ công nghiệp										100					100
3	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công.				100			120			150					180
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.															

TT	Nội dung và chỉ tiêu	Phân kỳ thực hiện														
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật		1.000	20.000		2.000	40.000		2.000	40.000		2.000	40.000		2.000	40.000
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	4.200	1.800	8.000	5.400	1.800	9.600	6.000	2.400	11.200	6.600	2.400	12.000	7.500	3.000	14.000
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho cơ sở công nghiệp nông thôn															
IV	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn															
1	Tổ chức bình chọn, tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh				50						50					
2	Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ tại tỉnh				1.000			1.200			1.200			1.200		
3	Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trên toàn quốc		1.000	250		1.000	250		1.200	300		1.200	300		1.200	300
4	Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hàng thủ công mỹ nghệ trên toàn quốc				150			150			200			200		
5	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm				105			105			140			140		
6	Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ															



TT	Nội dung và chỉ tiêu	Phân kỳ thực hiện																
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025				
		KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCDP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT		
V	Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc lập dự án đầu tư, marketing; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.																	
I	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....				350		350	350			350	350			350	350		350
VI	Hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công.																	
1	Hỗ trợ các chương trình thông tin, tuyên truyền, trên báo, truyền thanh, truyền hình, website.....	90			100			100				120					120	
VII	Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường.																	
1	Hỗ trợ thành lập cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp				150		300	150			300	150			300			
2	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp					500	1.000			500	1.000					500	1.000	
3	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp									1.500	3.500		1.500	3.500		1.500	3.500	

TT	Nội dung và chỉ tiêu	Phân kỳ thực hiện														
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		KCĐP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCĐP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCĐP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCĐP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT	KCĐP	KCQG	Nguồn đối ứng của cơ sở CNNT
4	Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp				1.500	1.000		1.500	1.000		1.500	1.000		1.500	1.000	
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp				6.000	6.000	36.000	6.000	6.000	36.000	6.000	6.000	36.000			
VIII	Hợp tác quốc tế về khuyến công.															
1	Tổ chức khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm nước ngoài (theo đề án chương trình của Bộ Công Thương)					150			150			150				
IX	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công															
1	Tổ chức nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công; Tổ chức đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong cho cán bộ quản lý của cơ sở công nghiệp nông thôn	180			150			150			150			150		
2	Các chương trình khác (sơ kết, tổng kết chương trình)...	30			30			30			30			30		
	Tổng cộng	4.500	3.800	28.250	15.221	12.450	87.500	15.991	14.750	92.650	16.876	14.250	92.450	11.606	9.200	59.150